

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG**

LÊ THỊ NHƯ HOA

**PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP,
TIÊU THỦ CÔNG NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN
HUYỆN HÒA VANG**

**Chuyên ngành: Kinh tế phát triển
Mã số : 60.31.01.05**

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ KINH TẾ

Đà Nẵng – Năm 2015

Công trình được hoàn thành tại
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS. Bùi Quang Bình

Phản biện 1: TS. Ninh Thị Thu Thủy

Phản biện 2: TS. Trần Hữu Lân

Luận văn đã được bảo vệ trước Hội đồng chấm Luận văn tốt nghiệp Thạc sĩ Kinh tế họp tại Đại Học Đà Nẵng vào ngày 29 tháng 8 năm 2015.

Có thể tìm hiểu Luận văn tại:

- Trung tâm Thông tin-Học liệu, Đại học Đà Nẵng
- Thư viện trường Đại học Kinh Tế, Đại học Đà Nẵng

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Phát triển công nghiệp tiểu thủ công nghiệp đóng vai trò hết sức quan trọng trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế - xã hội chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động, ổn định và xây dựng nông thôn mới, giữ gìn các ngành nghề truyền thống.

Tuy nhiên, kinh tế của Huyện tăng trưởng chưa cao; mức tăng trưởng còn thấp và chưa tương xứng với lợi thế và tiềm năng vốn có, thu nhập bình quân đầu người thấp. Để khắc phục tình trạng trên, bản thân nông-lâm-ngư nghiệp không thể đẩy nhanh được sự phát triển kinh tế của Huyện, không thể thúc đẩy sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế, khai thác, phát huy tiềm năng và lợi thế của huyện.

Do đó, tôi chọn đề tài “Phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn huyện Hòa Vang thành phố Đà Nẵng” làm đề tài nghiên cứu luận văn thạc sĩ của mình.

2. Tổng quan vấn đề nghiên cứu

3. Mục tiêu nghiên cứu

- Hệ thống hóa những vấn đề lý luận về phát triển công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp.

- Đánh giá được thực trạng phát triển công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp huyện Hòa Vang thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2010-2014.

- Đề xuất những phương hướng và giải pháp chủ yếu nhằm đẩy mạnh phát triển công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp Hòa Vang.

4. Câu hỏi nghiên cứu

Thực trạng về phát triển công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp huyện Hòa Vang hiện nay?

Để phát triển công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp tại huyện Hòa Vang trong thời gian đến cần phải có những giải pháp gì?

5. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

5.1 Đối tượng nghiên cứu: tình hình phát triển công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp huyện Hòa Vang thành phố Đà Nẵng.

5.2 Phạm vi nghiên cứu

- Về nội dung: Nghiên cứu sự phát triển công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp xét trên cả ba nội dung kinh tế, xã hội, môi trường.

- Về không gian: đề tài tập trung nghiên cứu nội dung trên địa bàn huyện Hòa Vang thành phố Đà Nẵng.

- Về thời gian: từ 2010 đến 2014 và đề xuất giải pháp phát triển công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp đến năm 2020.

6. Phương pháp nghiên cứu

Để thực hiện mục đích nghiên cứu đặt ra, luận văn sử dụng tổng hợp một số phương pháp nghiên cứu sau:

- Phương pháp tiếp cận
- Phương pháp phân tích, đánh giá
- Phương pháp thu thập số liệu

7. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài

- Về lý luận: góp phần hệ thống hóa và làm rõ thêm những vấn đề lý luận.

- Về đánh giá thực trạng: Phân tích, đánh giá đúng thực trạng phát triển công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp huyện giai đoạn 2010-2014.

- Về giải pháp: Đề xuất những phương hướng, giải pháp chủ yếu trong thời gian tới.

8. Bố cục của luận văn

Ngoài phần Mục lục, Danh mục các chữ viết tắt, Danh mục các bảng, hình vẽ, danh mục tài liệu tham khảo, Mở đầu, kết luận, Luận văn bố cục thành 3 chương:

Chương 1 Những vấn đề lý luận cơ bản về phát triển công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp.

Chương 2 Thực trạng phát triển công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp huyện Hòa Vang thành phố Đà Nẵng.

Chương 3 Giải pháp phát triển công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp huyện Hòa Vang thành phố Đà Nẵng.

CHƯƠNG 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TIÊU THỦ CÔNG NGHIỆP

1.1. TỔNG QUAN VỀ CÔNG NGHIỆP – TIÊU THỦ CÔNG NGHIỆP TRONG PHÁT TRIỂN KINH TẾ

1.1.1. Các khái niệm về công nghiệp

Công nghiệp, theo nghĩa rộng của kinh tế học, là hoạt động kinh tế quy mô lớn, sản phẩm (có thể là phi vật thể) tạo ra trở thành hàng hóa. Như vậy, công nghiệp bao gồm cả dịch vụ như: công nghiệp phần mềm máy vi tính, công nghiệp điện ảnh, công nghiệp giải trí...

1.1.2. Các khái niệm về tiêu thủ công nghiệp

Thủ công nghiệp là lĩnh vực sản xuất bao gồm tất cả các nghề thủ công. Cũng có khi gọi là ngành nghề thủ công.

Như vậy, tiêu thủ công nghiệp là ngành công nghiệp mà sản phẩm làm ra chủ yếu bằng thủ công với quy mô nhỏ. Ở đó, hệ thống công cụ lao động thô sơ đã được cải tiến và thay thế bằng một phần máy móc mang tính chất công nghiệp có quy mô nhỏ (bao gồm các hộ, cơ sở sản xuất mang tính chất công nghiệp quy mô nhỏ, trang bị máy móc hoặc thủ công)

1.1.3. Khái niệm phát triển công nghiệp – tiêu thủ công nghiệp

Phát triển công nghiệp-tiêu thủ công nghiệp thể hiện quá trình thay đổi của nền công nghiệp ở giai đoạn này so với giai đoạn

trước đó và thường đạt mức độ cao hơn cả về mặt lượng và chất.

1.1.4. Vai trò của phát triển CN-TTCN

*** Vị trí của công nghiệp-tiểu thủ công nghiệp**

- CN-TTCN là một bộ phận hợp thành cơ cấu công nghiệp – nông nghiệp – dịch vụ. Sự phát triển của CN-TTCN là một yếu tố có tính chất quyết định để thực hiện quá trình CNH-HĐH toàn bộ nền kinh tế quốc dân.

*** Vai trò của CN-TTCN**

- CN-TTCN tạo ra một khối lượng hàng hóa đáng kể đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của thị trường trong nước, phục vụ sản xuất đồng thời sản xuất ra một số mặt hàng xuất khẩu.

- Sự phát triển CN-TTCN khai thác được nguồn nguyên liệu tại chỗ, khai thác tiềm năng kinh tế mỗi địa phương.

- Có vai trò quan trọng trong việc xây dựng cơ sở hạ tầng cho phát triển nông nghiệp và cho xây dựng nông thôn mới.

1.2. NỘI DUNG VÀ TIÊU CHÍ VỀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP - TIỂU THỦ CÔNG NGHIỆP

1.2.1. Gia tăng về số lượng và quy mô của cơ sở sản xuất

Phát triển số lượng cơ sở sản xuất CN-TTCN trong đó phải cần trọng đến phát triển các doanh nghiệp vì doanh nghiệp là bộ phận cấu thành quan trọng nhất của sản xuất công nghiệp. Càng nhiều doanh nghiệp lớn mạnh thì ngành càng phát triển. Việc tập trung hóa sản xuất công nghiệp sẽ tạo điều kiện hình thành các doanh nghiệp có quy mô sản xuất lớn, nâng cao năng lực cạnh tranh và gia tăng khả năng thích nghi với sự biến động của thị trường.

Để phản ánh quy mô doanh nghiệp và so sánh quy mô doanh nghiệp ta có thể sử dụng một số tiêu chí sau:

- Số lượng sản phẩm
- Số lượng lao động
- Giá trị tài sản cố định

1.2.2. Bảo đảm các nguồn lực cho SX CN-TTCN

Nguồn lực ở đây bao gồm: vốn, lao động, hệ thống cơ sở vật chất (thiết bị, công nghệ...).

Lao động, năng lực, trình độ quản lý của các cơ sở sản xuất là một trong những yếu tố quan trọng cho sự phát triển CN-TTCN.

Tiêu chí phản ánh:

- Số lượng và mức tăng lao động trong doanh nghiệp.
- Cơ cấu lao động trong doanh nghiệp.

Trong khi đó vốn và công nghệ là yếu tố quyết định phát triển vững chắc của ngành CN-TTCN

Về công nghệ, kỹ thuật, máy móc thiết bị, hầu hết các nhà nghiên cứu kinh tế đều cho rằng nó có vai trò, tác dụng rất lớn đối với sự tăng trưởng và phát triển kinh tế nói chung và CN-TTCN nói riêng.

1.2.3. Hoàn thiện hình thức tổ chức sản xuất kinh doanh

CN-TTCN có nhiều hình thức tổ chức sản xuất kinh doanh nhưng chủ yếu là: hộ gia đình sản xuất TTCN; các tổ hợp tác, hợp tác xã chuyên sản xuất TTCN; các xí nghiệp, các công ty trách nhiệm hữu hạn; trong đó ở các huyện nông nghiệp, khu vực nông thôn thì hộ gia đình vẫn chiếm đa số về lao động và cơ sở sản xuất,

số lượng loại hình tổ chức doanh nghiệp và hợp tác xã chiếm tỷ lệ nhỏ hơn.

Để CN-TTCN có sự tăng trưởng và phát triển ổn định, khuyến khích phát triển các loại hình doanh nghiệp CN-TTCN.

1.2.4. Thị trường đầu ra của sản phẩm

Đối với các cơ sở sản xuất thì việc xác định thị trường đầu ra của sản phẩm là khâu vô cùng quan trọng, sự tồn tại của cơ sở sản xuất phụ thuộc vào việc hàng hoá của doanh nghiệp có bán được không.

1.2.5. Gia tăng giá trị đóng góp của CN-TTCN

Giá trị đóng góp của CN-TTCN vào GDP được xác định dựa trên cơ sở quan hệ cung cầu về sản phẩm của CN-TTCN trên thị trường. Lượng giá trị này chính là điểm cân bằng giữa cung và cầu.

1.3. CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN SỰ PHÁT TRIỂN CỦA CN-TTCN

1.3.1. Điều kiện tự nhiên

1.3.2. Kết cấu hạ tầng kinh tế

1.3.3. Điều kiện xã hội

1.3.4. Sự phát triển của khoa học, công nghệ

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP, TIỂU THỦ CÔNG NGHIỆP HUYỆN HÒA VANG – TP ĐÀ NẴNG

2.1. ĐẶC ĐIỂM TỰ NHIÊN, KINH TẾ XÃ HỘI HUYỆN HÒA VANG ẢNH HƯỞNG ĐẾN PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP, TIỂU THỦ CÔNG NGHIỆP

2.1.1. Đặc điểm tự nhiên

- Vị trí địa lý

Hòa Vang là một huyện ngoại thành bao bọc phía Tây của Thành phố Đà Nẵng.

Hệ thống giao thông nội địa của Huyện nối liền với các tuyến giao thông ngoài huyện theo hướng Bắc Nam, Đông Tây rất thuận lợi cho giao thương, đi lại cả đường bộ lẫn đường thủy.

- Điều kiện tự nhiên

2.1.2. Đặc điểm về kinh tế

- Tăng trưởng kinh tế

Tổng giá trị sản phẩm nền kinh tế của huyện năm 2014 là 5 480,3 tỷ đồng (giá cố định 2010); tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân là 10,5%/ năm.

Tổng giá trị kinh tế huyện Hòa Vang năm 2010 là 3 189,3 tỷ đồng, giá trị kinh tế tăng đều qua các năm, đến 2014 tăng lên 5 480,3 tỷ đồng.

*Bảng 2.1. Tổng giá trị và tốc độ tăng trưởng kinh tế Huyện
giai đoạn 2010 -2014 (Giá so sánh 2010)*

ĐVT: Tỷ đồng.

Chỉ tiêu	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Bình quân
1- Tổng giá trị sản xuất	3 189.3	4 141.2	4 580.5	4 968.8	5 480.3	4 472.0
2- Tốc độ tăng trưởng (%)		29.85	10.61	8.48	10.29	14.81
Trong đó:						
Ngành NN	715.0	746.4	785.6	824.0	873.5	788.9
Ngành CN-XD	1 262.3	1 901.8	2 105.5	2 236.4	2 459.7	1993.1
Ngành TM-DV	1 212.0	1 493.1	1 689.4	1 908.4	2 147.1	1690.0

(Nguồn: Chi cục Thống kê huyện Hòa Vang)

2.2. TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN CN-TTCN HUYỆN HÒA VANG - THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

2.2.1. Số lượng, quy mô các cơ sở hoạt động sản xuất CN-TTCN

Sau khi chia tách địa giới hành chính, một số doanh nghiệp công nghiệp được tách về quận Cẩm Lệ thì quy mô ngành công nghiệp huyện Hoà Vang giảm xuống rõ rệt. Năm 2006, toàn huyện có 597 cơ sở sản xuất, trong đó có 40 doanh nghiệp, 03 hợp tác xã và 554 hộ cá thể.

Bảng 2.5. Số cơ sở sản xuất CN-TTCN phân theo thành phần kinh tế

Chỉ tiêu	2010	2011	2012	2013	2014
Tổng số	811	622	807	901	981
Trong đó :					
Nhà nước	1				
Dân doanh	808	620	807	898	978
HTX	1	1	1	1	1
Hỗn hợp, DNTN	72	70	86	83	90
Cá thể	735	549	717	814	887
Kinh tế có VĐT nước ngoài	2	2	3	3	3

(Nguồn : Niên giám thống kê huyện Hòa Vang)

Đến cuối năm 2010, trên địa bàn huyện có 811 cơ sở sản xuất công nghiệp (CSSXCN); bao gồm: 75 doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế, 01 hợp tác xã và 735 hộ sản xuất cá thể; tăng 214 cơ sở so với năm 2006, trong đó: loại hình HTX giảm 02, loại hình doanh nghiệp tăng 35, hộ các thể tăng 181 hộ; tốc độ tăng bình quân về số lượng CSSXCN giai đoạn 2006-2010 là 17%/năm.

Số lượng CSSXCN Hòa Vang năm 2014 đã tăng lên rất nhiều so với thời kỳ mới tách huyện, năm 2014 có 981 CSSXCN, trong đó 90 doanh nghiệp, 01 HTX, hộ cá thể tăng 152 hộ so với năm 2010 phân theo nhóm ngành sản xuất chủ yếu như sau: sản xuất thực phẩm, đồ uống 288 cơ sở, chiếm 35,5%; may mặc, thuộc da:

84 cơ sở, chiếm 10,4%; chế biến gỗ, sản phẩm tết bện: 68 cơ sở, chiếm 8,4%; cơ khí 82 cơ sở, chiếm 10,1%.

2.2.2. Các yếu tố nguồn lực cho phát triển CN-TTCN

*** Về lao động**

Đến cuối năm 2014, tổng số lao động trong lĩnh vực CN-TTCN của huyện Hòa Vang là 4.500 người, tăng 1.030 người so với năm 2010; tốc độ tăng bình quân giai đoạn 2010-2014 đạt 7,7%/năm.

Theo phân ngành sản xuất, các ngành tập trung nhiều lao động là chế biến thực phẩm - đồ uống (chiếm 15,1% tổng số lao động trong ngành CN-TTCN năm 2014); may mặc (chiếm 20%); chế biến gỗ, sản phẩm tết bện (9,6%); cơ khí (6,9%)... Trong giai đoạn 2010 - 2014, lực lượng lao động tăng mạnh nhất trong các ngành dệt-may (16,1%/năm), ngành khai thác - sản xuất vật liệu xây dựng (9,7%/năm).

Về trình độ lao động, qua điều tra khảo sát thì lực lượng lao động tại các CSSXCN đa phần là lao động phổ thông, lao động thời vụ; lao động có trình độ từ trung cấp trở lên chiếm một tỷ trọng rất nhỏ (12,3%).

*** Về vốn trong sản xuất kinh doanh**

Tổng vốn đầu tư cho CN-TTCN của huyện năm 2010 là 889 tỷ đồng, năm 2014 là 1862,8 tỷ với tốc độ tăng bình quân giai đoạn 2010-2014 là 15,95%: trong đó DN có tốc độ tăng cao nhất (31,8%) với tốc độ tăng lớn hơn rất nhiều so với cơ sở kinh doanh cá thể.

Bảng 2.7. Một số chỉ tiêu về vốn của cơ sở sản xuất CN-TTCN giai đoạn 2010-2014

ĐVT: tỷ đồng

STT	Chi tiêu	Năm 2010				Năm 2014				TĐTT bình quân(2010-2014) %			
		DN	HTX	KDCT	Cộng	DN	HTX	KDCT	Cộng	DN	HTX	KDCT	Cộng
01	Tổng nguồn vốn	790	11,2	88	889	1500	12,8	350	1862,8	13,68	2,71	31,8	15,95
	Vốn chủ sở hữu	350	8,5	61	420	680	10,2	270	960,2	14,21	3,71	34,65	17,98
	Vốn vay	310	1,5	21	33	520	2	30	552	10,90	5,92	7,39	75,66
02	Nguồn vốn/cơ sở	11,0	11,2	0,12	1,101	16,7	12,8	0,38	1,8	8,71	2,71	25,93	10,33
03	Giá trị tài sản cố định	680	10,5	75	766	1350	11	135	1496	14,70	0,93	12,47	14,32
04	GTTS CD/cơ sở	9,4	7,7	0,10	17	15,0	11	0,15	26,1	9,80	7,39	8,45	8,95

(Nguồn: Xử lý, tổng hợp từ số liệu điều tra của Phòng Thống kê huyện Hòa Vang)

*** Công nghệ**

Xét về tổng thể thì công nghệ của huyện Hòa Vang đa số là ở trình độ thủ công truyền thống chiếm tỷ lệ 61% số cơ sở sản xuất CN-TTCN, 29% là cơ sở sản xuất nửa thủ công nửa cơ khí. Sản xuất thủ công với kinh nghiệm cổ truyền là chủ yếu. Việc sử dụng công nghệ mới ở huyện chiếm một tỷ lệ rất thấp. Đây cũng là một trong những lý do tại sao hiện nay các sản phẩm CN-TTCN của huyện tạo ra có năng suất thấp, sức cạnh tranh yếu và gặp nhiều khó khăn trong khâu tiêu thụ sản phẩm trên thị trường, kể cả thị trường trong và ngoài khu vực thành phố Đà Nẵng.

2.2.3. Tình hình tổ chức sản xuất kinh doanh của ngành CN-TTCN trên địa bàn huyện Hòa Vang

Nhìn chung hình thức tổ chức sản xuất của CN-TTCN của huyện còn mang tính chất tự phát, chủ yếu là mô hình kinh tế hộ cá thể, quy mô sản xuất nhỏ bé, công nghệ sản xuất thủ công. Cơ cấu loại hình doanh nghiệp chiếm một tỷ trọng khá nhỏ, tốc độ tăng vẫn còn chậm, chưa tạo được động lực thúc đẩy quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa của Huyện.

Bảng 2.9. Sản phẩm CN-TTCN chủ yếu của Huyện Hòa Vang giai đoạn 2010-2014

Chỉ tiêu	ĐVT	2010	2011	2012	2013	2014
- Xay, sát, nghiền lương thực	1000 tấn	381,1	38,1	37,5	37	36,5
- Quần áo may sẵn	1000cái	1265	1283	1520	1665	1823

- Đá các loại	1000m ³	460	445	486	531	580
- Gạch nung	Triệu viên	72 915	71 240	82 280	85 495	88 835
-Thùng xốp			439	528	627	744
-Nước giải khát	1000 lít	116	122	170	200	235
- Bánh kẹo các loại	Tấn	105	109	118,5	129	140,4
- Cửa sắt các loại	1000m ²	39,7	39,6	45,7	53	61,47
- Thép cuộn	Tấn	4 825	23 052	25 424	23 644	21 988
- Phôi thép	1000 tấn	12,3	58,7	64,8	59,4	54,5
- Bê tông thương phẩm	1000m ³	185	260	273	315	363,5

(Nguồn: tổng hợp từ số liệu điều tra của Phòng Thống kê Hòa Vang)

2.2.4. Thị trường tiêu thụ sản phẩm CN-TTCN:

Hiện nay, các sản phẩm CN-TTCN được sản xuất chủ yếu cung cấp cho các doanh nghiệp hoạt động trên cùng địa bàn huyện, mang tính chất nhỏ lẻ. Các sản phẩm tiêu thụ công nghiệp được tiêu thụ chủ yếu giữa các vùng mang tính chất giao lưu trao đổi hàng hóa. Chưa hình thành được hệ thống tiêu thụ sản phẩm mang tính rộng khắp. Việc đẩy mạnh sản xuất hướng tới xuất khẩu đối với các sản phẩm CN-TTCN còn rất hạn chế. Do sự hấp dẫn của ngành CN-TTCN huyện không cao nên việc thu hút đầu tư nước ngoài, quảng bá thương hiệu chưa được đầu tư đúng mức.

2.2.5. Giá trị sản xuất của ngành CN-TTCN

Giá trị sản xuất của ngành đạt 1396 tỷ đồng tăng gấp đôi giá trị sản xuất so với cùng kỳ năm 2010. Các ngành sản xuất được xem như thế mạnh của huyện như :

- Ngành sản xuất vật liệu xây dựng: Được xem ngành chủ lực của huyện với các sản phẩm gạch xây dựng, gạch trang trí, các loại đá xây dựng...

- Ngành khai thác khoáng sản: Bao gồm các hoạt động khai thác đá, cát, sạn góp phần cung cấp nguồn nguyên liệu cho ngành sản xuất VLXD. Sản lượng trung bình hàng năm tương đối cao, như đá xây dựng các loại năm 2014 đạt 88.835 nghìn m³.

- Ngành chế biến nông sản, thực phẩm: Chủ yếu do hộ cá thể hoạt động trong lĩnh vực gia công xay xát và sản xuất bánh kẹo từ nông sản.

- Ngành sản xuất tư liệu sản xuất, hàng dân dụng: Bao gồm các hoạt động sản xuất gia công cơ khí hàn gò, sản xuất các dụng cụ sản xuất nông nghiệp và sinh hoạt trong dân; các hoạt động sản xuất sản phẩm từ gỗ như bàn ghế, giường tủ (GTSX đạt trên 12 tỷ đồng/năm).

2.3. ĐÁNH GIÁ CHUNG TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN CN-TTCN HUYỆN HÒA VANG TỪ NĂM 2010 ĐẾN NĂM 2014

2.3.1. Những thành tựu đạt được

- Giá trị đóng góp của ngành CN-TTCN trong tổng giá trị GDP toàn huyện trên 44% năm 2014.

- Với nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú, thích hợp cho phát triển công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng;

- Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp đầu tư phát triển theo chiều sâu, đưa các thiết bị công nghệ tiên tiến làm tăng sức cạnh tranh trên thị trường.

- Kinh tế tăng trưởng, thu nhập bình quân /người/ tháng tăng, tỷ lệ hộ nghèo giảm. Đời sống của người dân nâng lên đáng kể.

- Cơ sở hạ tầng nông thôn được đầu tư, diện mạo nông thôn thay đổi rõ nét, khang trang, sạch đẹp hơn nhiều.

- Các thiết chế văn hóa được bảo tồn, tôn tạo; bản sắc văn hóa miền quê giữ gìn và phát huy;

2.3.2. Những tồn tại, hạn chế

- Quy mô sản xuất nhỏ, cơ sở sản xuất chủ yếu là các hộ gia đình, việc đầu tư cải tiến công nghệ vào sản xuất thấp.

- Sự hạn chế về mặt khoa học kỹ thuật và cập nhật thông tin về thị trường tiêu thụ sản phẩm làm mất khả năng cạnh tranh sản phẩm cũng như tốc độ mở rộng sản xuất của ngành CN-TTCN.

- Giá trị sản xuất CN-TTCN tăng bình quân hàng năm 21%, nhưng chưa ổn định quy mô của từng làng nghề còn nhỏ, các hình thức tổ chức sản xuất kinh doanh theo mô hình doanh nghiệp còn ít;

- Thu nhập của lao động ở một số làng nghề thấp, bấp bênh; thiếu lao động tại các cơ sở sản xuất.

- Thị trường tiêu thụ còn hẹp, chủ yếu tiêu thụ trong nước; chưa xuất khẩu được nhiều ra thị trường nước ngoài.

2.3.3. Nguyên nhân tồn tại

- Cơ chế chính sách: việc tiếp cận nguồn vốn vay ưu đãi (lãi suất thấp) để phát triển CN-TTCN, đưa tiến bộ khoa học kinh

thuật vào sản xuất vẫn còn nhiều bất cập. Thủ tục đã giảm nhiều nhưng vẫn còn phiền hà, thời gian kéo dài.

- Nhận thức, trình độ tay nghề của người lao động: trình độ của đại đa số lao động tập trung trong ngành CN-TTCN còn thấp, đặc biệt trong ngành TTCN chỉ mang tính kinh nghiệm, cầm tay chỉ việc, không nắm bắt kịp nhu cầu, thị hiếu của thị trường nên sản xuất cho năng suất cao nhưng khi bán ra thị trường thì giá trị kinh tế đem lại thấp, không có sức cạnh tranh và hiệu quả lại không cao.

- Cơ sở vật chất- kỹ thuật và kết cấu hạ tầng chưa đáp ứng được nhu cầu phát triển công nghiệp.

- Trình độ quản lý và tổ chức sản xuất: đa số nông dân lao động chưa qua đào tạo, trình độ quản lý và tầm nhìn vĩ mô thấp nên tầm nhìn chiến lược còn khiêm tốn vì vậy quy mô sản xuất và đầu tư cho sản xuất CN-TTCN vẫn còn hạn chế.

- Thị trường tiêu thụ còn hạn chế: Việc quan tâm tìm kiếm thị trường tiêu thụ có được quan tâm nhưng chưa đầy mạnh trong thời gian qua.

CHƯƠNG 3

GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TIỂU THỦ CÔNG NGHIỆP HUYỆN HÒA VANG – TP ĐÀ NẴNG

3.1. CĂN CỨ ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP - TIỂU THỦ CÔNG NGHIỆP HUYỆN HOÀ VANG

3.1.1. Phương hướng phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn huyện Hòa Vang giai đoạn 2015-2020

Tốc độ tăng trưởng GDP bình quân thời kỳ 2011-2020 đạt 11,5-12% năm. GDP ngành công nghiệp, xây dựng tăng trung bình 15-15,5%/năm, Thương mại-Dịch vụ tăng 13-14%, GDP nông lâm ngư nghiệp bình quân 5,0-5,2%/năm.

+ Cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển đổi mạnh theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ. Phân đầu đến năm 2020 cơ cấu kinh tế có tỷ trọng công nghiệp và xây dựng đạt khoảng 45%; Ưu tiên phát triển một số ngành công nghiệp có lợi thế cạnh tranh và các sản phẩm chủ lực như: Hàng dệt may, đồ mỹ nghệ, vật liệu xây dựng, chế biến thức ăn gia súc. Phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp theo hướng đầu tư chiều sâu, đưa các thiết bị công nghệ tiên tiến vào sản xuất tạo ra sản phẩm có chất lượng cao, giá cả hợp lý nhằm tăng sức cạnh tranh trên thị trường.

3.1.2. Mục tiêu phát triển công nghiệp tiểu thủ công ng nghiệp Huyện Hòa Vang trong thời gian đến

- Quy hoạch và hình thành các khu, cụm công nghiệp nhằm tạo điều kiện về mặt bằng sản xuất cho các doanh nghiệp.

- Phát triển mạnh các ngành công nghiệp khai thác và chế biến.

- Duy trì và phát triển các ngành nghề truyền thống.

Bảng 2.10. Dự báo một số chỉ tiêu phát triển của ngành công nghiệp

Ngành	ĐVT	2015	2020	%tăng	
				2011-2015	2016-2020
Tổng giá trị SX	Tỷ đ	342,9	820	21,1	22,5
Cn k.thác đá, cát	Tỷ đ	39,43	80	18,5	18
SX thực phẩm	"	63,25	128,3	20,5	19
CN chế biến gỗ	"	44,87	111,3	25	25,5
SX giấy,SP từ giấy	"	13,26	26,5	16,5	16,5
SX phi kim loại	"	77,2	224,9	30	29,5
Sx từ kim loại	"	12,86	31,5	21	22,8
Sản phẩm khác		76,4	189,7	18,6	25,5

(Nguồn: Phòng Kinh tế huyện Hòa Vang)

- Tập trung phát triển các ngành công nghiệp có thể mạnh như sản xuất vật liệu xây dựng, hàng may mặc, chế biến nông sản, xem đây là các ngành công nghiệp mũi nhọn của huyện.

- Trong giai đoạn 2011-2015 phấn đấu giá trị sản xuất CN-TTCN tăng bình quân 17-18%, đưa tỷ trọng ngành công nghiệp-xây dựng lên 40% trong cơ cấu kinh tế.

Đến năm 2015, giá trị sản xuất ngành CN-TTCN (CĐ 94) đạt 375 tỷ đồng (ứng với tốc độ tăng giai đoạn 2011-2015 là 17-18%).

3.2. GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP-TIỂU THỦ CÔNG NGHIỆP HUYỆN HÒA VANG-THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG ĐẾN NĂM 2020

3.2.1. Đổi mới và hoàn thiện công tác quy hoạch nhằm khai thác tốt các tiềm năng, lợi thế của huyện, đảm bảo cho phát triển CN – TTCN

Tập trung nguồn lực đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, tập trung trong công tác quy hoạch sớm bàn giao mặt bằng cho các doanh nghiệp triển khai hoạt động sản xuất, đặc biệt đối với các dự án treo kịp thời chuyển đổi sang dự án đầu tư khác, tránh lãng phí nguồn lực.

Đẩy mạnh công tác giải phóng mặt bằng triển khai đầu tư đẩy nhanh tiến độ thi công, sớm đưa vào hoạt động sản xuất như dự án Khu công nghệ cao Đà Nẵng tại xã Hòa Liên hay dự án đầu tư phục vụ phát triển của khu du lịch Bà Nà.

Trong công tác quy hoạch dành quỹ đất hợp lý để hình thành khu CN, khu vực sản xuất tập trung, xa khu dân cư.

3.2.2. Về phát triển số lượng cơ sở sản xuất

+ Huyện cần có các chính sách về giá thuê đất, miễn giảm thuế, hỗ trợ vay vốn ưu đãi trung và dài hạn... cho những cơ sở đăng ký vào sản xuất tại các CNN tập trung.

+ Huy động đa dạng các nguồn vốn; chú trọng phát triển toàn diện các loại thị trường; mạnh dạn chuyển giao công nghệ mới và đầu tư máy móc thiết bị hiện đại; đa dạng hoá việc đào tạo nghề đảm bảo chất lượng cao...

+ Huyện giao cho Phòng Kinh tế chịu trách nhiệm giúp đỡ và hoàn tất phần giấy tờ trong thời gian ngắn nhất, tạo điều kiện thuận

lợi, môi trường thông thoáng để thu hút các dự án đầu tư của các thành phần kinh tế.

+ Về nguồn vốn, cần ưu tiên cho các cơ sở mới thành lập, cơ sở đầu tư thay đổi công nghệ máy móc thiết bị mới và đầu tư mở rộng sản xuất được vay các nguồn vốn ưu đãi cũng như các nguồn vốn thương mại khác.

3.2.3. Huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực để phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp

Về lao động cho phát triển CN - TTCN

+ Đẩy mạnh công tác đào tạo, dạy nghề trên địa bàn huyện, xây dựng và mở rộng thêm các trường, cơ sở đào tạo, mở rộng thêm các ngành nghề mới.

+ Trong các làng nghề, nghệ nhân có vai trò rất quan trọng đối với duy trì, giữ gìn bản sắc riêng của từng sản phẩm, song cũng không thể thiếu đội ngũ cán bộ công nhân có kiến thức khoa học. Sự kết hợp hợp lý giữa hai lực lượng này là động lực cho các làng nghề phát triển hiệu quả. Do đó, huyện cần có chính sách cụ thể trong việc đãi ngộ nhân tài về điều kiện làm việc, hỗ trợ trong nghiên cứu phát triển sản phẩm mới...

Về vốn đầu tư cho phát triển CN-TTCN

- Cần khai thác có hiệu quả các nguồn vốn của chủ doanh nghiệp. Tạo lập môi trường kinh doanh ổn định, khuyến khích cơ sở sản xuất mở rộng sản xuất bằng nguồn vốn tự có hoặc tự huy động được.

- Tận dụng nguồn vốn của nhân dân bằng cách để người đầu tư trực tiếp tham gia vào sản xuất. Như vậy, vừa tận dụng được nguồn vốn tích lũy trong đại bộ phận nhân dân vừa nâng cao hiệu quả sử dụng vốn do người lao động cũng chính là người chủ của hoạt động đầu tư sản xuất kinh doanh đó.

Về khoa học công nghệ

+ Tập trung đổi mới công nghệ, đẩy mạnh ứng dụng khoa học kỹ thuật theo hướng chính là hiện đại hóa từng phần, từng công đoạn trong dây chuyền sản xuất;

+ Ưu tiên vốn tín dụng ưu đãi đầu tư từ Quỹ hỗ trợ phát triển để hỗ trợ doanh nghiệp trong việc đầu tư đổi mới thiết bị, công nghệ, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất.

+ Khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư cải tiến công nghệ, hỗ trợ, chuyển giao công nghệ cho các doanh nghiệp, cơ sở:

3.2.4. Đối với công tác tổ chức sản xuất kinh doanh

Cần tạo điều kiện để các doanh nghiệp, các hộ kinh doanh cá thể có cơ hội học hỏi kinh nghiệm lẫn nhau thông qua các Hiệp hội hoặc tổ chức đi tham quan, học tập kinh nghiệm của các nước có ngành công nghiệp phát triển. Qua đó chúng ta có thể học tập được nhiều kinh nghiệm và áp dụng nó vào thực tiễn sản xuất của đơn vị mình, nâng cao năng lực phát triển sản xuất cũng như tổ chức sản xuất, nhân lực để từng bước phát triển ngành CN-TTCN huyện.

3.2.5. Mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm, tạo các môi liên kết kinh tế

Về chính quyền địa phương:

- + Đẩy mạnh xúc tiến thương mại các sản phẩm CN-TTCN.
- + Tăng chi ngân sách hỗ trợ khuyến khích xuất khẩu và xúc tiến thương mại đối với các doanh nghiệp công nghiệp.
- + Thực hiện tốt các chính sách thị trường, áp dụng các chế tài đủ mạnh đối với các hành vi gian lận thương mại.
- + Phối hợp với các địa phương khác trong việc xây dựng các khu Công nghiệp cung cấp dịch vụ công nghệ, vùng cung cấp nguyên liệu và tiêu thụ sản phẩm Công nghiệp, tìm kiếm thị trường tiêu thụ sản phẩm.
- + Cung cấp thông tin, tìm kiếm đối tác kinh doanh... nhằm hỗ trợ, tạo điều kiện cho doanh nghiệp, các cơ sở tiếp cận với các thị trường tiềm năng, liên kết để mở rộng thị trường trong và ngoài tỉnh.

Về phía các cơ sở sản xuất

- + Các chủ cơ sở sản xuất cần chủ động hơn nữa trong việc thâm nhập, tìm hiểu thị trường, huy động nguồn vốn.
- + Phát triển các sản phẩm làng nghề phải phù hợp với thị hiếu và tiêu chuẩn của thị trường trong và ngoài nước đặc biệt quan tâm đến chất lượng và mẫu mã các sản phẩm.
- + Mỗi doanh nghiệp cần phải xây dựng cho mình hình ảnh, hệ thống phân phối sản phẩm hợp lý, tham gia vào các kênh phân phối của các tập đoàn trong và ngoài nước.
- + Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong việc tìm kiếm thông tin, cơ hội kinh doanh và tạo sự liên kết trên thị trường thông qua việc sử dụng các trang mạng internet.

KẾT LUẬN

Sự phát triển của ngành công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn huyện trong thời gian qua đã đạt được một số kết quả đáng khích lệ. Góp phần vào sự tăng trưởng, chuyển dịch cơ cấu kinh tế huyện, giải quyết việc làm nâng cao mức sống người dân; đồng thời bảo tồn một số ngành nghề truyền thống.

Bên cạnh đó, sự phát triển của ngành công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp còn nhiều mặt hạn chế như: qui mô sản xuất nhỏ, chủ yếu mang tính hộ gia đình, sản phẩm thiếu khả năng cạnh tranh trên thị trường, thông tin thị trường hạn chế và chưa thiết lập được sự liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm...